

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

| | | |
|------|---|--|
| 1.1 | Tên học phần | <i>Tiếng Việt:</i> Luật kinh tế <i>Tiếng Anh:</i> Economics Law |
| 1.2 | Mã học phần | EC221 |
| 1.3 | Thuộc khối kiến thức | Chuyên ngành |
| 1.4 | Tính chất của học phần | Lựa chọn ngành |
| 1.5 | Khoa phụ trách | Kinh tế - Quản lý |
| 1.6 | Số tín chỉ | 2 |
| 1.7 | Điều kiện tiên quyết | Pháp luật đại cương (SH131) |
| 1.8 | Thời lượng giảng dạy trực tiếp | 30 giờ lý thuyết |
| 1.9 | Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning | |
| 1.10 | Ngày ban hành | 21/4/2022 |

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Về kiến thức và kỹ năng, học phần yêu cầu sinh viên phải được trang bị trước những kiến thức tổng quát về pháp luật đại cương.

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về nội quy, mỗi tuần có 30 giờ học trực tiếp trên lớp, ngoài ra sinh viên có thể tự học các học liệu trên hệ thống Elearning của Trường.

- Đối với giờ học trực tiếp:

- + Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ.
- + Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.
- + Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.
- + Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập trên lớp.
- + Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.

- Đối với giờ tự học

- + Chuẩn bị thiết bị (máy tính, smart phone).
- + Đọc tài liệu đọc trước khi nghe video bài giảng.
- + Hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau mỗi chương.
- + Trả lời các câu hỏi sau mỗi chương của tài liệu đọc.
- + Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Luật kinh tế tập trung vào những quy định cơ bản, hiện hành của pháp luật Việt Nam điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, đặc biệt, các quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh. Học phần này dùng cho việc học tập và nghiên cứu môn Luật kinh tế hệ cử nhân chính quy thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán và các ngành có lựa chọn môn học này. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành luật kinh tế, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh. Đặc biệt, học phần trình bày sâu về tổ chức và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam và quan hệ hợp đồng giữa chúng. Những kiến thức của Học phần Luật kinh tế rất hữu ích cho sinh viên chuyên ngành kinh tế và quản lý, là “hành trang” quan trọng cho công việc sau này của sinh viên.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra |
|--|---|
| CO1: Vận dụng những kiến thức cơ bản về Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự cũng như các quy định về ngành nghề kinh doanh của Luật Đầu tư; | 1.1 Thực hiện được quy trình đăng ký thành lập một doanh nghiệp; Xây dựng được quy chế pháp lý của từng loại công ty; |
| | 1.2 Hiểu được các kiến thức cơ bản của luật kinh tế để xác định các nội dung cơ bản của quy chế pháp lý đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại như: cơ chế xác lập quyền sở hữu, thực thi quyền sở hữu đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại |
| | 1.3. Hiểu được chính xác loại hợp đồng thương mại theo qui định của pháp luật căn cứ vào đặc điểm, qui chế pháp lý của từng loại hợp đồng và các loại tranh chấp trong một số hợp đồng thương mại phổ biến trong thời kỳ hội nhập; |
| | 1.4. Phân tích được ưu điểm, hạn chế của các phương thức giải quyết tranh chấp (bằng hòa giải, bằng trọng tài, bằng tòa án) trong hoạt động thương mại của thương nhân |

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra |
|--|---|
| | 1.5 Thực hiện được các biện pháp giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại phổ biến của thương nhân bằng các phương thức: hòa giải, trọng tài, tòa án |
| CO2: Vận dụng một cách chủ động những kỹ năng thành lập doanh nghiệp; đàm phán trong hoạt động thương mại, soạn thảo một số hợp đồng thương mại phổ biến như: Hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng đại lý; và giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản dùng trong hoạt động thương mại | 2.1. Giải thích được các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn pháp lý cơ bản, phổ biến trong lĩnh vực luật kinh tế. |
| | 2.2 Thực hiện được một số hoạt động cơ bản trong tư vấn pháp luật thương mại như lựa chọn thành lập loại hình công ty, quyền-nghĩa vụ của thương nhân cũng như những hạn chế về quyền-nghĩa vụ của thương nhân đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại... |
| | 2.3 Đánh giá các quy định của pháp luật thực định về tài sản dùng trong hoạt động thương mại, hợp đồng trong thương mại cũng như khả năng phát triển bản thân |
| | 2.4. Hiểu được ý nghĩa và vận dụng được cách giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản dùng trong hoạt động thương mại |
| CO3: Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao. | 3.1. Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao |
| | 3.2. Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận |

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | |
|-----------|---|-------------------|--------|--------|-------|-------|
| | | 1.1.2. | 1.3.1. | 2.2.1. | 2.2.2 | 2.2.3 |
| 1. | Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức đã học | | | | | |
| 1.1. | Thực hiện được quy trình đăng ký thành lập một doanh nghiệp; Xây dựng được quy chế pháp lý của từng loại công ty | 1 | | | | |
| 1.2. | Hiểu được các kiến thức cơ bản của luật kinh tế để xác định các nội dung cơ bản của quy chế pháp lý đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại như: cơ chế xác lập quyền sở hữu, thực thi quyền sở hữu đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại | 1 | | | | |
| 1.3. | Hiểu được chính xác loại hợp đồng thương mại theo qui định của pháp luật căn cứ vào đặc điểm, qui chế pháp lý của từng loại hợp đồng và các loại tranh chấp trong một số hợp đồng thương mại phổ biến trong thời kỳ hội nhập; | | 1 | | | |

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | |
|-----------|---|-------------------|--------|--------|-------|-------|
| | | 1.1.2. | 1.3.1. | 2.2.1. | 2.2.2 | 2.2.3 |
| 1.4. | Phân tích được ưu điểm, hạn chế của các phương thức giải quyết tranh chấp (bằng hòa giải, bằng trọng tài, bằng tòa án) trong hoạt động thương mại của thương nhân | 2 | | | | |
| 1.5 | Thực hiện được các biện pháp giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại phổ biến của thương nhân bằng các phương thức: hòa giải, trọng tài, tòa án | 2 | | | | |
| 2. | Vận dụng một cách chủ động những kỹ năng thành lập doanh nghiệp; đàm phán trong hoạt động thương mại | | | | | |
| 2.1. | Giải thích được các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn pháp lý cơ bản, phổ biến trong lĩnh vực luật kinh tế. | | 2 | 1 | 1 | |
| 2.2. | Thực hiện được một số hoạt động cơ bản trong tư vấn pháp luật thương mại như lựa chọn thành lập loại hình công ty, quyền- nghĩa vụ của thương nhân cũng như những hạn chế về quyền- nghĩa vụ của thương nhân đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại... | | 2 | 1 | 1 | |
| 2.3. | Đánh giá các quy định của pháp luật thực định về tài sản dùng trong hoạt động thương mại, hợp đồng trong thương mại cũng như khả năng phát triển bản thân | | 2 | | | |
| 2.4. | Hiểu được ý nghĩa và vận dụng được cách giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản dùng trong hoạt động thương mại | 3 | | | | |
| 3. | Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao. | | | | | |
| 3.1. | Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao | | | 1 | | 2 |
| 3.2. | Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận | | | 2 | | |

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|-------------------------|---|---|-----------------------|
| 1 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh. 1.1. Khái niệm pháp luật kinh tế và luật kinh tế 1.2. Khái quát về chủ thể kinh doanh | 2 | 1 | 1.1_1 2.1_1 3.1_1 | <u>GV:</u> Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ). Phổ biến nội quy lớp học. Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. <u>SV:</u> Làm bài tập: Nêu những điểm khác nhau giữa luật kinh tế và luật dân sự. | | [1] Chương 1 [2] |
| 2 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tiếp) 1.3. Các hình thức tổ chức kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam | 2 | 1 | 1.2_2 2.1_1 3.1_1 | <u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. | Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc | [1]Chương 1 [2] |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|--|--------------|---------------------|--|---|---|-----------------------|
| | | | | | Làm bài tập tình huống. | | |
| 3 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh.(tiếp) 1.3. Các hình thức tổ chức kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam (tiếp) | 2 | 1 | 1.1_1 1.3_1 2.1_2 2.2_2 3.1_1 3.2_1 | <u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 2 Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá bài làm của SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Làm bài tập tình huống. SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc | Mini test bằng hình thức trắc nghiệm (thời gian kiểm tra 20 phút gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm về chủ thể kinh doanh | [1] Chương 2 [2] |
| 4 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tiếp) 1.4. Tổ chức lại doanh nghiệp | 2 | 1 | 1.1_1 1.3_2 2.1_2 2.2_1 3.1_1 | <u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá sinh viên. | SV nhận đề của bài kiểm tra số 1 về nhà | [1] Chương 5 |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|--|--------------|---------------------|--|--|--|----------------------------|
| | | | | 3.2_1 | <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Làm bài tập tình huống | làm theo nhóm | |
| 5 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tiếp) 1.5. Giải thể doanh nghiệp | 2 | 1 | 1.3_2 2.1_2 2.2_2 3.1_1 3.2_1 | <u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Làm bài tập tình huống | Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức qua các câu hỏi của tình huống thảo luận | [1] Chương 5 [2] [4] |
| 6 | Bài 1: Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tiếp). Bài tập về chủ thể kinh doanh | | 3 | 1.1_1 1.2_1 1.4_2 2.3_2 3.1_1 3.2_1 | <u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 5 Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 5 Giao bài tập cho SV về các chủ thể kinh doanh Hệ thống nhanh các nội dung đã học từ chương 1 đến chương 5 và hướng dẫn SV chuẩn bị làm bài kiểm tra quá trình. | Kiểm tra phần làm câu hỏi trắc nghiệm và bài tập. | [1] Chương 5 |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|---|---|---|-----------------------|
| | | | | | SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 5 Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc | | |
| 7 | Bài 2. Pháp luật về hợp đồng 2.1. Những vấn đề chung về hợp đồng | 2 | 1 | 1.1_2 1.4_1 2.1_2 2.2_2 2.3_2 3.1_1 3.2_1 | <u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Giao đề và giám sát SV làm bài kiểm tra giữa kỳ. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu Tự tìm chọn một doanh nghiệp có thật đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, giới thiệu những nét chính về doanh nghiệp đó đó và phân loại nó theo các tiêu chí đã học. | Làm bài kiểm tra quá trình (thời gian 1 tiết bao gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm và bài tập tự luận, | [1]- Chương 6 |
| 8 | Bài 2. Pháp luật về hợp đồng (tiếp) 2.2. Giao kết hợp đồng | 1 | 2 | 1.5_1 2.4_1 3.1_1 | <u>GV:</u> Thuyết giảng. | Kiểm tra nội dung Giao kết hợp | [1]Chương 6 |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|--|--------------|---------------------|--|---|--|-------------------------------|
| | 2.3. Thực hiện hợp đồng | | | 3.2_1 | <p>Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>Công bố điểm của bài kiểm tra; giải đáp bài kiểm tra.</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Nghiên cứu tài liệu.</p> <p>Làm bài Phân biệt các hình thức chế tài do vi phạm hợp đồng.</p> <p>Xác định các điều kiện áp dụng các hình thức chế tài do vi phạm hợp đồng</p> | đồng, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng | |
| 9 | <p>Bài 3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>3.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> | 2 | 1 | <p>1.1_1</p> <p>1.5_1</p> <p>2.4_2</p> <p>3.1_1</p> <p>3.2_1</p> | <p><u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 6 trong giáo trình</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết của chương 7 trong giáo trình</p> <p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ</p> <p>Tổng kết và công bố điểm quá trình</p> | | <p>[1]Chương 7</p> <p>[3]</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|---|--|--------------------------------------|-----------------------|
| | | | | | SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 7 trong giáo trình Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc | | |
| 10 | Bài 3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh 3.2. Giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng hoà giải thương mại 3.3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng trọng tài thương mại 3.4. Giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng toà án | 1 | 2 | 1.1_1 1.5_1 2.4_2 3.1_1 3.2_1 | Tổng kết môn học. Công bố điểm quá trình của từng SV; giải đáp thắc mắc liên quan đến điểm quá trình. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Xem video bài giảng | | [1]Chương 7 [3] |

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

| | | | | | | |
|-----------|---------------|-------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|
| Kiến thức | 1 - Biết/Nhớ | 2 - Hiểu | 3 - Vận dụng | 4 - Phân tích | 5 - Tổng hợp | 6 - Đánh giá |
| Thái độ | 1 - Tiếp nhận | 2 - Hồi đáp | 3 - Đánh giá | 4 - Tổ chức | 5 - Tính cách | |
| Kỹ năng | 1 - Bất chước | 2 - Thao tác được | 3 - Thao tác chính xác | 4 - Thao tác biến hóa | 5 - Thao tác thuần thục | |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm + Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 90% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 10% + Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|-----------|---|-----------------------|--------------|---------|-----------|-------------------------------|---------|---------|-------------|
| | | Tự học | Thuyết trình | Bài tập | Thảo luận | Chuyên cần và thái độ học tập | Bài tập | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 1. | Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức đã học | | | | | | | | |
| 1.1. | Thực hiện được quy trình đăng ký thành lập một doanh nghiệp; Xây dựng được quy chế pháp lý của từng loại công ty | X | X | | X | X | | X | X |
| 1.2. | Hiểu được các kiến thức cơ bản của luật kinh tế để xác định các nội dung cơ bản của quy chế pháp lý đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại như: cơ chế xác lập quyền sở hữu, thực thi quyền sở hữu đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại | X | X | X | | X | X | X | X |
| 1.3. | Hiểu được chính xác loại hợp đồng thương mại theo qui định của pháp luật căn cứ vào đặc điểm, qui chế pháp lý của từng loại hợp đồng và các loại tranh chấp trong một số hợp đồng thương mại phổ biến trong thời kỳ hội nhập; | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 1.4 | Phân tích được ưu điểm, hạn chế của các phương thức giải quyết tranh chấp (bằng hòa giải, bằng trọng tài, bằng tòa án) trong hoạt động thương mại của thương nhân | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 1.5 | Thực hiện được các biện pháp giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại phổ biến của thương nhân bằng các phương thức: hòa giải, trọng tài, tòa án | X | X | X | | X | X | X | X |
| 2 | Vận dụng một cách chủ động những kỹ năng thành lập doanh nghiệp; đàm phán trong hoạt động thương mại | | | | | | | | |

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|------|---|-----------------------|--------------|---------|-----------|-------------------------------|---------|---------|-------------|
| | | Tự học | Thuyết trình | Bài tập | Thảo luận | Chuyên cần và thái độ học tập | Bài tập | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 2.1. | Giải thích được các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn pháp lý cơ bản, phổ biến trong lĩnh vực luật kinh tế. | x | x | | x | x | | x | x |
| 2.2. | Thực hiện được một số hoạt động cơ bản trong tư vấn pháp luật thương mại như lựa chọn thành lập loại hình công ty, quyền- nghĩa vụ của thương nhân cũng như những hạn chế về quyền- nghĩa vụ của thương nhân đối với tài sản dùng trong hoạt động thương mại... | x | x | | x | x | | x | x |
| 2.3. | Đánh giá các quy định của pháp luật thực định về tài sản dùng trong hoạt động thương mại, hợp đồng trong thương mại cũng như khả năng phát triển bản thân | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.4. | Hiểu được ý nghĩa và vận dụng được cách giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản dùng trong hoạt động thương mại | x | x | x | | x | x | | x |
| 3. | Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao. | | | | | | | | |
| 3.1 | Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao | x | x | x | | x | x | x | X |
| 3.2 | Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận | x | | | x | x | | x | x |

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] PGS.TS. Nguyễn Đình Tài và TS. Nguyễn Thị Huế, (2016), “*Luật kinh tế*”, NXB Tài chính.

Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS. Nguyễn Việt Tí và TS. Nguyễn Thị Dung, (2018), “*Luật thương mại tập 1*”, Nhà xuất Công an nhân dân.

[3] Luật Doanh nghiệp (2020)

[4] Luật thương mại (2005)

[5] Luật Dân sự (2015)

9. Giảng viên tham gia giảng dạy học phần

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Lĩnh vực chuyên môn |
|-----|-----------------|-----------------|-----------------------|
| 1. | Nguyễn Đình Tài | PGS.TS | Luật kinh tế |
| 2. | Trần Thị Thu Hà | Thạc sĩ | Luật Kinh tế, quốc tế |

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Luật kinh tế có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Dung

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trần Thị Thu Hà

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá | | | | | Trọng số |
|--|--|--|--|--|--|----------|
| | A (8.5-10) | B (7.0-8.4) | C (5.5-6.9) | D (4.0-5.4) | F (0-3.9) | |
| Tham gia lớp học | Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết) | Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết) | Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết) | Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết) | 50% |
| Vào lớp học đúng giờ | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...) | Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...) | Làm trên 75% bài tập cá nhân. | Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân. | Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân. | Làm tối đa 25% bài tập cá nhân. | Không làm bài tập cá nhân. | 15% |

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá | | | | | Trọng số |
|---|--|---|--|---|--|----------|
| | A (8.5-10) | B (7.0-8.4) | C (5.5-6.9) | D (4.0-5.4) | F (0-3.9) | |
| Nội dung | <p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung phù hợp và chính xác.</p> | <p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có một số phần chưa chính xác.</p> | <p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p> | <p>Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p> | <p>Chủ đề trình bày không liên qua, không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p> | 60% |
| Trình bày | <p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p> | <p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p> | <p>Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p> | <p>Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p> | <p>Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.</p> | 20% |
| Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...) | <p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p> | <p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p> | <p>Trả lời phù hợp</p> <p>Hơi thiếu tự tin khi trả lời.</p> | <p>Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p> | <p>Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p> | 20% |

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Vận dụng mức cao | Tổng |
|----|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------|------------------------|
| 1. | Chủ thể Luật Kinh tế | 1 câu 0,5 điểm 5% | | | | 1 câu 5 % |
| 2. | Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh | | 1 câu 0,5 điểm 5% | | | 1 câu 5 % |
| 3 | Thủ tục đăng ký và thành lập doanh nghiệp | | 1 câu 0,5 điểm 5% | 1 câu 0,5 điểm 5% | | 2 câu 10 % |
| 4 | Các loại hình doanh nghiệp | 1 câu 0,5 điểm 5% | 1 câu 0,5 điểm 5% | | | 2 câu 10 % |
| 5 | Tổ chức lại Doanh nghiệp | | | 1 câu 0,5 điểm 5% | | 1 câu 5 % |
| 6 | Giải thể doanh nghiệp | | | 1 câu 0,5 điểm 5% | | 1 câu 5 % |
| 7 | Bài tập tình huống các loại hợp đồng trong kinh doanh thương mại và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng | | | 1 Câu 3 điểm 30% | | 1 câu 3 điểm 30% |
| 8 | -So sánh các loại hình doanh nghiệp -Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | | 1 Câu 3 điểm 30% | | | 1 câu 3 điểm 30% |
| | Tổng số câu | 2 | 4 | 4 | | 10 Câu |
| | Tổng số điểm | 1,0 | 4,5 | 4,5 | | 10,0 |
| | Tỷ lệ % | 10% | 45% | 45% | | 100% |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

| | | |
|-----|------------------------|--|
| 1.1 | Tên học phần | <i>Tiếng Việt:</i> Kinh tế quốc tế <i>Tiếng Anh:</i> International Economics |
| 1.2 | Mã học phần | EC316 |
| 1.3 | Thuộc khối kiến thức | Lựa chọn ngành |
| 1.4 | Tính chất của học phần | Lựa chọn |
| 1.5 | Khoa phụ trách | Kinh tế - Quản lý |
| 1.6 | Số tín chỉ | 3 |
| 1.7 | Điều kiện tiên quyết | EC204 và EC205 |
| 1.8 | Thời lượng | 45 giờ trên lớp |
| 1.9 | Ngày ban hành | 21/4/2022 |

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Về **trang thiết bị**, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về **nội quy**, mỗi tuần có 5 giờ học trực tiếp trên lớp

- + Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ.
- + Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.
- + Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.
- + Sinh viên phải làm các bài tập được giao.
- + Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.
- + Sinh viên bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kinh tế quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm hai mảng kiến thức chính về thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các

kiến thức lý thuyết để tìm hiểu và giải thích các vấn đề cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thương mại của Việt Nam và thế giới.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra |
|---|--|
| CO1: Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế đã học, các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực thương mại và tài chính quốc tế. | <p>1.1 Hiểu được tầm quan trọng của kinh tế quốc tế, nội dung và phương pháp nghiên cứu, nắm vững quá trình hình thành và phát triển của kinh tế thế giới, những vấn đề có tính chất toàn cầu, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế.</p> <p>1.2 Hiểu được nội dung của các lý thuyết thương mại quốc tế gồm: lý thuyết cổ điển, lý thuyết chuẩn tắc, lý thuyết tân cổ điển, lý thuyết mới.</p> <p>1.3. Hiểu được các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế, nắm vững được các xu thế cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế.</p> <p>1.4. Nắm vững khái niệm, đặc điểm của di chuyển quốc tế các nguồn lực gồm di chuyển về vốn và di chuyển về lao động.</p> <p>1.5 Nắm vững khái niệm, vai trò của hệ thống tiền tệ quốc tế</p> |
| CO2: Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để phân tích, nhận xét, đánh giá trước những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế. | <p>2.1. Áp dụng được phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế vào việc phân tích những tình huống cụ thể của Việt Nam và thế giới</p> <p>2.2. Vận dụng được lý thuyết thương mại trong việc đánh giá thực trạng và xu thế phát triển đối với những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế, từ đó đưa ra những giải pháp có tính khả thi cho sự hội nhập của kinh tế Việt Nam.</p> <p>2.3 Phân tích được vai trò, tác động của một số công cụ và biện pháp chủ yếu đến thương mại quốc tế của Việt Nam và thế giới.</p> <p>2.4. Hiểu được ý nghĩa của việc di chuyển quốc tế các nguồn lực đối với phát triển tài chính và thương mại quốc tế qua từng giai đoạn, từ đó đánh giá về xu hướng phát triển trong tương lai.</p> <p>2.5 Phân tích, so sánh ưu nhược điểm hoạt động của chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái, hệ thống Bretton Woods, thời kỳ hậu Bretton Woods từ đó liên hệ đến hiện tại.</p> |
| CO3: Rèn luyện tính kỷ luật, trách nhiệm, chủ động trong nghiên cứu, kỹ năng làm việc độc lập và làm theo nhóm, phát triển khả năng tư duy của bản thân | <p>3.1. Hoàn thành một cách nghiêm túc và có hiệu quả các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>3.2. Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận.</p> <p>3.3 Có kỹ năng áp dụng hiệu quả những kiến thức hàn lâm vào việc phân tích những vấn đề cơ bản mang tính thực tiễn.</p> |

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng CDR của chương trình đào tạo

| ST T | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | | |
|-----------|--|-------------------|--------|--------|-------|-------|-------|
| | | 1.1.2. | 1.3.1. | 2.2.1. | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.3.1 |
| 1. | Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế đã học, các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực thương mại và tài chính quốc tế. | | | | | | |
| 1.1 | Hiểu được tầm quan trọng của kinh tế quốc tế, nội dung và phương pháp nghiên cứu, nắm vững quá trình hình thành và phát triển của kinh tế thế giới, những vấn đề có tính chất toàn cầu, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. | 1 | | | | | |
| 1.2 | Hiểu được nội dung của các lý thuyết thương mại quốc tế gồm: lý thuyết cổ điển, lý thuyết chuẩn tắc, lý thuyết tân cổ điển, lý thuyết mới. | 1 | | | | | |
| 1.3 | Hiểu được các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế, nắm vững được các xu thế cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế. | 1 | | | | | |
| 1.4 | Nắm vững khái niệm, đặc điểm của di chuyển quốc tế các nguồn lực gồm di chuyển về vốn và di chuyển về lao động. | 1 | | | | | |
| 1.5 | Nắm vững khái niệm, vai trò của hệ thống tiền tệ quốc tế | 1 | | | | | |
| 2. | Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để phân tích, nhận xét, đánh giá trước những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế. | | | | | | |
| 2.1 | Áp dụng được phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế vào việc phân tích những tình huống cụ thể của Việt Nam và thế giới | | 2 | 2 | 2 | | |
| 2.2 | Vận dụng được lý thuyết thương mại trong việc đánh giá thực trạng cũng như xu thế phát triển đối với những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế, từ đó đưa ra những giải pháp có tính khả thi cho sự hội nhập của kinh tế Việt Nam. | | 2 | 2 | 2 | | |
| 2.3 | Phân tích được vai trò, tác động của một số công cụ và biện pháp chủ yếu đến thương mại quốc tế của Việt Nam và thế giới. | | 2 | 2 | 2 | | |

| ST T | Chuẩn đầu ra của học phần | Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | | |
|-----------|--|-------------------|--------|--------|-------|-------|-------|
| | | 1.1.2. | 1.3.1. | 2.2.1. | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.3.1 |
| 2.4 | Hiểu được ý nghĩa của việc di chuyển quốc tế các nguồn lực đối với phát triển tài chính và thương mại quốc tế qua từng giai đoạn, từ đó đánh giá về xu hướng phát triển trong tương lai. | | 2 | 2 | 2 | | |
| 2.5 | Phân tích, so sánh ưu nhược điểm hoạt động của chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái, hệ thống Bretton Woods, thời kỳ hậu Bretton Woods từ đó liên hệ đến hiện tại. | | 2 | 2 | | | |
| 3. | Rèn luyện tính kỷ luật, trách nhiệm, chủ động trong nghiên cứu, kỹ năng làm việc độc lập và làm theo nhóm, phát triển khả năng tư duy của bản thân | | | | | | |
| 3.1 | Hoàn thành một cách nghiêm túc và có hiệu quả các nhiệm vụ học tập được giao | | | 2 | | 3 | |
| 3.2 | Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận. | | | 2 | | | 3 |
| 3.3 | Có kỹ năng áp dụng hiệu quả những kiến thức hàn lâm vào việc phân tích những vấn đề mang tính thực tiễn. | | | 2 | | | 3 |

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|--|--------------|---------------------|---|---|--------------------------------------|---|
| 1 | <p>Chương 1: Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan nền kinh tế thế giới</p> <p>1.1. Giới thiệu về kinh tế quốc tế</p> <p>1.2. Quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới</p> <p>1.3. Xu thế lớn trong sự vận động của nền kinh tế thế giới</p> | 4 | 1 | 1.1_2 2.1_2 3.1_3 3.2_2 3.3_2 | <p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ). - Hướng dẫn SV phương pháp học tập - Phổ biến nội quy lớp học. - Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 1: tầm quan trọng, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; khái niệm và cơ cấu nền kinh tế thế giới, các giai đoạn vận động và phát triển của kinh tế thế giới; dự báo tương lai của kinh tế thế giới. <p>Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 1</p> <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu - Nghe giảng | | <p>[1] Chương 1</p> <p>[3] Chương 1</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|--|--------------|---------------------|--|---|--|---|
| | | | | | - Nhóm 1 nhận chủ đề thuyết trình | | |
| 2 | <p>Chương 1: Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan nền kinh tế thế giới (tiếp)</p> <p>1.4. Những vấn đề có tính chất toàn cầu</p> <p>1.5 Nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế</p> <p>Chương 2: Lý thuyết thương mại quốc tế</p> <p>2.1. Lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế</p> | 3 | 2 | <p>1.1_2</p> <p>1.2_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_2</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_2</p> <p>3.3_2</p> | <p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết của chương 1 gồm: khái niệm, nội dung, tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế, quan điểm trọng thương, lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh. - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 2 - Đánh giá thuyết trình của nhóm 1 <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu - Nghe giảng - Nhóm 1 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 2 nhận chủ đề thuyết trình | <p>Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 1) qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) | <p>[1] Chương 2</p> <p>[2] Chương 3</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|--|---|--|--|
| 3 | <p>Chương 2: Lý thuyết thương mại quốc tế (tiếp)</p> <p>2.2. Lý thuyết chuẩn tắc về thương mại quốc tế</p> <p>2.3. Lý thuyết tân cổ điển về thương mại quốc tế (lý thuyết Heckscher-Ohlin hay mô hình H-O)</p> | 3 | 2 | <p>1.2_2</p> <p>2.2_2</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_2</p> <p>3.3_2</p> | <p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết của chương 2 gồm: chi phí cơ hội tăng dần và đường giới hạn khả năng sản xuất; đường bang quan quốc gia, cân bằng trong trường hợp tự cung tự cấp và trường hợp nền kinh tế nhỏ, mở cửa; các giả thiết cơ bản của mô hình H – O; hàm lượng và mức độ dồi dào của các yếu tố sản xuất; định lý H – O. - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 3 - Đánh giá thuyết trình của nhóm 2 <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu. - Nghe giảng - Nhóm 2 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 3 nhận chủ đề thuyết trình | <p>Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 2) qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) | <p>[1] Chương 5</p> <p>[2] Chương 10</p> <p>[3] Chương 13</p> <p>[4] Chương 13</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|---|--|--|--|
| 4 | <p>Chương 2: Lý thuyết thương mại quốc tế (tiếp)</p> <p>2.4 Lý thuyết mới về thương mại quốc tế.</p> <p>Chương 3: Chính sách thương mại quốc tế</p> <p>3.1 Khái niệm và vai trò của chính sách thương mại quốc tế</p> <p>3.2 Các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế</p> | 3 | 2 | 1.2_2 1.3_2 2.2_2 2.3_3 3.1_3 3.2_2 3.3_2 | <p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh đến các nội dung chính: nội dung lý thuyết mới về thương mại quốc tế; khái niệm, chức năng và vai trò của chính sách thương mại quốc tế; thuế quan và các công cụ của chính sách thương mại; thuế nhập khẩu và những tác động - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 4 - Đánh giá thuyết trình của nhóm 3 <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu. - Nghe giảng - Nhóm 3 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 4 nhận chủ đề thuyết trình | <p>Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 3) qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) | <p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 9, 10 và 11</p> <p>[3] Chương 2 và 3</p> |
| 5 | <p>Chương 3: Chính sách thương mại quốc tế (tiếp)</p> | 3 | 2 | 1.3_2 2.2_3 | <p><u>GV:</u></p> | <p>Đánh giá phần thuyết trình của</p> | <p>[4] Chương 4</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|-------------------------|--|--|--|
| | 3.3 Những xu thế cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế | | | 3.1_3 3.2_2 3.3_2 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh tới các nội dung chính: xu hướng tự do hóa thương mại, bảo hộ thương mại, nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế. - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 5 - Đánh giá thuyết trình của nhóm 4 <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu. - Nghe giảng - Nhóm 4 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 5 nhận chủ đề thuyết trình | SV (nhóm 4) qua: <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) | |
| 6 | <p><i>Chương 4: Di chuyển quốc tế các nguồn lực</i></p> <p>4.1. Khái niệm và đặc trưng của di chuyển quốc tế các nguồn lực</p> <p>4.2 Di chuyển quốc tế về vốn</p> | 3 | 2 | 1.4_2 2.4_2 3.1_3 | <p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh tới nội dung khái niệm, các loại nguồn lực di chuyển quốc tế, các đặc trưng cơ bản của di chuyển quốc tế các nguồn lực, công ty đa quốc gia; khái niệm và | Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 5) qua: | [1] Chương 4 [2] Chương 9, 10 và 11 |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|---|---|---|--|
| | | | | 3.2_2 3.3_2 | <p>đặc trưng di chuyển quốc tế về vốn, các hình thức đầu tư quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 6 - Đánh giá thuyết trình của nhóm 5 - Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu. - Nghe giảng - Nhóm 5 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 6 nhận chủ đề thuyết trình | <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) | [3] Chương 5 |
| 7 | <p>Chương 4: Di chuyển quốc tế các nguồn lực (tiếp)</p> <p>4.3 Di chuyển quốc tế về lao động</p> | 2 | 3 | 1.4_2 2.4_2 3.1_3 3.2_2 3.3_2 | <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh vào những nội dung chính gồm: khái niệm, đặc điểm, tác động của di chuyển quốc tế về lao động - Giao nhiệm vụ, hướng dẫn chuẩn bị thuyết trình cho nhóm 7 | <p>Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 6) qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình | <p>[1] Chương 11</p> <p>[2] Chương 5</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|---|---|---|---|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thuyết trình của nhóm 6 <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu - Nghe giảng - Nhóm 6 thuyết trình và thảo luận nhóm - Nhóm 7 nhận chủ đề thuyết trình | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide - Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...) - Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết) | [3] Chương 10 |
| 8 | <p>Chương 5: Hệ thống tiền tệ quốc tế</p> <p>5.1. Hệ thống tiền tệ quốc tế là gì?</p> <p>5.2 Chế độ bản vị vàng</p> <p>5.3 Chế độ bản vị vàng hối đoái</p> | 3 | 2 | 1.5_2 2.5_2 3.1_3 3.2_2 3.3_2 | <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng nhấn mạnh đến những nội dung chính gồm: khái niệm và vai trò của hệ thống tiền tệ quốc tế; căn cứ hình thành hệ thống; những tiêu thức đánh giá hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế; nguyên tắc hoạt động của | Đánh giá phần thuyết trình của SV (nhóm 7) qua: <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thuyết trình | [1] Chương 7 [2] Chương 19 và 20 |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|---|--------------|---------------------|--|---|--|--|
| | | | | | <p>chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái; hoạt động của chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái trên thực tế.</p> <p>- Đánh giá thuyết trình của nhóm 7</p> <p><u>SV:</u></p> <p>- Nghiên cứu tài liệu.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Nhóm 7 thuyết trình và thảo luận nhóm</p> | <p>- Trình bày slide</p> <p>- Kiến thức liên quan đến đề tài nghiên cứu (nội dung trình bày, hỏi đáp những vấn đề có liên quan ...)</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)</p> | [3] Chương 7 |
| 9 | <p>Chương 5: Hệ thống tiền tệ quốc tế (tiếp)</p> <p>5.4 Hệ thống Bretton woods</p> <p>5.5 Lĩnh vực tài chính – tiền tệ thời kỳ hậu Bretton woods</p> | 3 | 2 | <p>1.5_2</p> <p>2.5_2</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_2</p> <p>3.3_2</p> | <p><u>GV:</u></p> <p>- Thuyết giảng nhấn mạnh đến các nội dung chính: nguyên tắc và hoạt động của chế độ bản vị vàng hối đoái; mục tiêu của hệ thống Bretton Woods, chế độ tỷ giá cố định điều chỉnh hạn chế; vai trò của quỹ tiền tệ quốc tế; hoạt động của hệ thống Bretton Woods trên thực tế; đánh</p> | | <p>[1] Chương 7</p> <p>[2] Chương 19 và 20</p> |

| Tuần | Nội dung | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần | Hoạt động dạy - học | Hoạt động kiểm tra đánh giá | Tài liệu tham khảo |
|------|----------|--------------|---------------------|--------------------|--|-----------------------------|--------------------|
| | | | | | giá hoạt động của hệ thống Bretton Woods; sự hình thành chế độ tỷ giá thả nổi; các cuộc khủng hoảng tài chính thời kỳ hậu Bretton Woods; tương lai của hệ thống tiền tệ quốc tế. - Hệ thống môn học - Tổng kết môn học. Công bố điểm quá trình của từng SV; Giải đáp thắc mắc liên quan đến điểm quá trình <u>SV:</u> Nghe giảng và ôn tập | | [3] Chương 7 |

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

| | | | | | | |
|-----------|---------------|------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|
| Kiến thức | 1 - Biết/Nhớ | 2 - Hiểu | 3 - Vận dụng | 4 - Phân tích | 5 - Tổng hợp | 6 - Đánh giá |
| Thái độ | 1 - Tiếp nhận | 2 - Hồi đáp | 3 - Đánh giá | 4 - Tổ chức | 5 - Tính cách | |
| Kỹ năng | 1 - Bất chước | 2 - Thao tác đượ | 3 - Thao tác chính xác | 4 - Thao tác biến hóa | 5 - Thao tác thuần thục | |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, tìm kiếm các nguồn thông tin khác như internet, tạp chí... tự trả lời các câu hỏi trong giáo trình và hoàn thành bài tập nhóm (thuyết trình). Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm + Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 90% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 10% + Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|------|--|-----------------------|--------------|---------|-----------|-------------------------------|---------|---------|-------------|
| | | Thực học | Thuyết trình | Bài tập | Thảo luận | Chuyên cần và thái độ học tập | Bài tập | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 1. | Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế đã học, các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực thương mại và tài chính quốc tế. | | | | | | | | |
| 1.1. | Hiểu được tầm quan trọng của kinh tế quốc tế, nội dung và phương pháp nghiên cứu, nắm vững quá trình hình thành và phát triển của kinh tế thế giới, những vấn đề có tính chất toàn cầu, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. | x | x | | X | x | | x | X |
| 1.2. | Hiểu được nội dung của các lý thuyết thương mại quốc tế gồm: lý thuyết cổ điển, lý thuyết chuẩn tắc, lý thuyết tân cổ điển, lý thuyết mới. | x | x | | X | x | | x | X |
| 1.3. | Hiểu được các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế, nắm vững được các xu thế cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế. | x | x | | X | x | | x | X |
| 1.4 | Nắm vững khái niệm, đặc điểm của di chuyển quốc tế các nguồn lực gồm di chuyển về vốn và di chuyển về lao động. | x | x | | X | x | | x | X |
| 1.5 | Nắm vững khái niệm, vai trò của hệ thống tiền tệ quốc tế | x | x | | X | x | | x | X |
| 2 | Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để phân tích, nhận xét, đánh giá trước những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế | | | | | | | | |
| 2.1 | Áp dụng được phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế vào việc phân tích những tình huống cụ thể của Việt Nam và thế giới | x | x | | X | x | | x | X |
| 2.2 | Vận dụng được lý thuyết thương mại trong việc đánh giá thực trạng cũng như xu thế | x | x | | X | x | | x | x |

| STT | Chuẩn đầu ra của học phần | Phương pháp dạy - học | | | | Phương pháp đánh giá | | | |
|-----|--|-----------------------|--------------|---------|-----------|-------------------------------|---------|---------|-------------|
| | | Thư học | Thuyết trình | Bài tập | Thảo luận | Chuyên cần và thái độ học tập | Bài tập | Tự luận | Trắc nghiệm |
| | phát triển đối với những vấn đề cụ thể của kinh tế quốc tế, từ đó đưa ra những giải pháp có tính khả thi cho sự hội nhập của kinh tế Việt Nam. | | | | | | | | |
| 2.3 | Phân tích được vai trò, tác động của một số công cụ và biện pháp chủ yếu đến thương mại quốc tế của Việt Nam và thế giới. | x | x | | X | x | | x | X |
| 2.4 | Hiểu được ý nghĩa của việc di chuyển quốc tế các nguồn lực đối với phát triển tài chính và thương mại quốc tế qua từng giai đoạn, từ đó đánh giá về xu hướng phát triển trong tương lai. | x | x | | X | x | | x | X |
| 2.5 | Phân tích, so sánh ưu nhược điểm hoạt động của chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái, hệ thống Bretton Woods, thời kỳ hậu Bretton Woods từ đó liên hệ đến hiện tại. | x | x | | X | x | | x | X |
| 3 | Rèn luyện tính kỷ luật, trách nhiệm, chủ động trong nghiên cứu, kỹ năng làm việc độc lập và làm theo nhóm, phát triển khả năng tư duy của bản thân | | | | | | | | |
| 3.1 | Hoàn thành một cách nghiêm túc và có hiệu quả các nhiệm vụ học tập được giao | x | | | X | x | | x | X |
| 3.2 | Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận. | x | x | | X | x | | x | X |
| 3.3 | Có kỹ năng áp dụng hiệu quả những kiến thức hàn lâm vào việc phân tích những vấn đề mang tính thực tiễn. | x | x | | X | x | | x | X |

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Đỗ Đức Bình và Ngô Thị Tuyết Mai (2013), Giáo trình kinh tế quốc tế, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu tham khảo:

- [2] Paul. R. Krugman et al, (2012), *International Economics: Theory and Policy*, Addison-Wesley, 9th edition
- [3] Appleyard, Dennis R. (2010), *International Economics*, McGraw Hill Irwin
- [4] Feenstra, Robert C. (2008), *International Economics*, Worth Publishers

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Lĩnh vực chuyên môn |
|-----|--------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1. | Nguyễn Như Bình | Phó giáo sư, tiến sĩ | Kinh tế học, Kinh tế quốc tế |
| 2. | Trần Thị Thùy Linh | Tiến sĩ | Kinh tế học, Kinh tế quốc tế |
| 3. | Nguyễn Phương Mai | Thạc sĩ | Kinh tế học, Kinh tế phát triển |

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA**TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**




GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TS. Trần Thị Thùy Linh

ThS. Nguyễn Phương Mai

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá | | | | | Trọng số |
|--|--|--|--|--|--|----------|
| | A (8.5-10) | B (7.0-8.4) | C (5.5-6.9) | D (4.0-5.4) | F (0-3.9) | |
| Tham gia lớp học | Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết) | Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết) | Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết) | Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết) | 50% |
| Vào lớp học đúng giờ | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...) | Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...) | Làm trên 75% bài tập cá nhân. | Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân. | Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân. | Làm tối đa 25% bài tập cá nhân. | Không làm bài tập cá nhân. | 15% |

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Tổng |
|-----------|--|------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| I. | Phần I: Trắc nghiệm | | | | |
| 1. | <i>Giới thiệu về kinh tế quốc tế và tổng quan kinh tế thế giới</i> | | | | |
| 1.1 | Nội dung, phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế, cơ cấu kinh tế thế giới | | 1 câu 0,25 điểm 2,5% | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 1.2 | Các giai đoạn phát triển của kinh tế thế giới, những xu thế lớn, tính chất của các quan hệ kinh tế | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 2. | <i>Lý thuyết thương mại quốc tế</i> | | | | |
| 2.1 | Quan điểm trọng thương, lý thuyết lợi thế tuyệt đối, lợi thế so sánh | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 2.2 | Đường giới hạn khả năng sản xuất, chi phí cơ hội, đường bàng quan, cân bằng trong trường hợp tự cung tự cấp và nền kinh tế nhỏ, mở cửa | | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Tổng |
|-----------|--|-------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 2.3 | Các giả thiết của mô hình H-O, mức độ dồi dào của các yếu tố sản xuất; định lý H-O | | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 3. | <i>Chính sách thương mại quốc tế</i> | | | | |
| 3.1 | Khái niệm, vai trò, chức năng của chính sách thương mại quốc tế, | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 3.2 | Các công cụ của chính sách thương mại quốc tế, thuế nhập khẩu và những tác động. | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 3.3 | Xu hướng tự do hóa thương mại, bảo hộ thương mại, ba nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế | | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 4. | <i>Di chuyển quốc tế các nguồn lực</i> | | | | |
| 4.1 | Khái niệm và đặc trưng di chuyển quốc tế về vốn, các hình thức đầu tư quốc tế | | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Tổng |
|------------|---|------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 4.2 | Khái niệm và đặc điểm, tác động của di chuyển quốc tế về lao động | | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | 1 câu 0,5 điểm 2,5 % |
| 5. | Hệ thống tiền tệ quốc tế | | | | |
| 5.1 | Khái niệm, vai trò hệ thống tiền tệ quốc tế, các tiêu thức đánh giá hoạt động | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| 5.2 | Chế độ bản vị vàng, bản vị vàng hối đoái, hệ thống Bretton Woods | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % | | 1 câu 0,25 điểm 2,5 % |
| II. | Tự luận | | | | |
| 2.1 | Câu 1: Câu hỏi Đúng-Sai có giải thích | | | | |
| | Nêu nhận định Đúng – Sai về 2 vấn đề thuộc phạm vi lý thuyết đã học, sau đó giải thích | | | 2 câu 2 điểm 20% | 2 câu 2 điểm 20% |
| 2.2 | Câu 2: Viết luận | | | | |
| | Dựa trên một vấn đề lý thuyết đã học, nêu sự hiểu biết về một vấn đề đang diễn ra trong nền | | | 1 câu | 1 câu |

| TT | Nội dung | Biết | Hiểu | Vận dụng | Tổng |
|-----------|---|-------------|--|--|--|
| | kinh tế thế giới (kết hợp giữa phân tích thực trạng, đánh giá, dự báo xu hướng và đề xuất giải pháp...) | | | 5 điểm 50% | 5 điểm 50% |
| | Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ % | | 7 câu 1,75 điểm 17,5% | 8 câu 8,25 điểm 82,5% | 15 câu 10,0 điểm 100% |

